

Điểm chuẩn trường Đại Học Đại Nam năm 2018

Đại học Đại Nam là một trường đại học tự thực tại Hà Nội. Mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực: Kinh tế; Kỹ thuật - Công nghệ; Khoa học Xã hội - Nhân văn; Dược học và Ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Địa chỉ: Số 1 Phố Xóm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024 3557 7799.

Điểm chuẩn Đại Học Đại Nam chi tiết các ngành năm 2018:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-dai-nam>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D09; D11; D14	15.5	Xét học bạ 18 điểm
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, D09, D65, D71	---	
3	7320108	Quan hệ công chúng	C00; C19; C20; D15	15.5	Xét học bạ 18 điểm
4	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; C03; D01; D10	15.5	Xét học bạ 18 điểm
5	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01, A10	---	
6	7340201	Tài chính – Ngân hàng	C14; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
7	7340301	Kế toán	A10	---	
8	7340301	Kế toán	A01; C14; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
9	7380107	Luật kinh tế	A08; A09; C00; C19	15.5	Xét học bạ 18 điểm
10	7480201	Công nghệ thông tin	A10	---	
11	7480201	Công nghệ thông tin	A00; D84; K01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
12	7580102	Kiến trúc cảnh quan	H06; H08; V00; V01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
13	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A10, C14	---	
14	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00; A01	15.5	Xét học bạ 18 điểm
15	7720201	Dược học	A11	---	
16	7720201	Dược học	A00; B00; D07	15.5	Xét học bạ 18

					điểm
17	7720301	7720301	B00	---	
18	7720301	Điều dưỡng	C14, D07, D66	15.5	Xét học bạ 18 điểm
19	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A08	---	
20	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00; C00; D01	15.5	Xét học bạ 18 điểm

Xem thêm điểm chuẩn năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1	D480201	Công nghệ Thông tin	15
2	D580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	15
3	D580102	Kiến trúc	15
4	D520301	Kỹ thuật hóa học	15
5	D340201	Tài chính - Ngân hàng	15
6	D340101	Quản trị Kinh doanh	15
7	D340301	Kế toán	15
8	D720401	Dược học	15
9	D360708	Quan hệ công chúng	15
10	D380107	Luật kinh tế	15
11	D340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	15
12	D220201	Ngôn ngữ Anh	15

Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành năm học 2018 - 2019 như sau:

TT	CÁC NGÀNH	MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP MÔN	CHỈ TIÊU
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, D01, C03, D10	150
2	Tài chính ngân hàng	7340201	D01, A01, A10, C14	100
3	Kế toán	7340301	A01, D01, A10, C14	150
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A07, A08, D01, C00	150
5	Luật kinh tế	7380107	C00, A08, A09, C19	150
6	Công nghệ thông tin	7480201	A00, K01, A10, D84	130
7	Kỹ thuật công trình xây dựng	7580201	A00, A01, A10, C14	70
8	Kiến trúc	7580102	V00, V01, H08, H06	50
9	Dược học	7720201	A00, D07, B00, A11	300
10	Điều dưỡng	7720301	B00, D07, D66, C14	200
11	Quan hệ công chúng	7320108	C00, D15, C19, C20	50
12	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D11	50
13	Ngôn ngữ Trung	7220204	D01, D09, D65, D71	50